

NGHỊ ĐỊNH

CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 113/2003/NĐ-CP NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2003
VỀ QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH PHÂN BÓN

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

NGHỊ ĐỊNH

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định việc sản xuất, gia công, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh, khảo nghiệm và quản lý nhà nước về phân bón, nhằm bảo hộ lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, bảo vệ độ phì nhiêu của đất và môi trường sinh thái.

Điều 2. Phân bón quy định tại Nghị định này bao gồm:

Các loại phân vô cơ, phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ khoáng, phân đa yếu tố, phân phức hợp, phân trộn, phân vi sinh, phân bón lá và các loại phân có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng (trong Nghị định này gọi chung là phân bón).

Các chất điều hòa sinh trưởng đơn thuần, chế phẩm giữ ẩm, chất bám dính không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động liên quan đến phân bón trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo Nghị định này, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 4. Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phân bón rễ: là các loại phân bón được bón trực tiếp vào đất hoặc vào nước để cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng thông qua bộ rễ;

2. Phân bón lá: là các loại phân bón được tưới hoặc phun trực tiếp vào lá hoặc thân để cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng thông qua thân lá;

3. Phân vô cơ (phân khoáng, phân hóa học): là loại phân có chứa các chất dinh dưỡng vô cơ cần thiết cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng;

4. Phân đơn (phân khoáng đơn): là loại phân vô cơ chỉ chứa một yếu tố dinh dưỡng;

5. Phân đa yếu tố: là loại phân vô cơ có chứa từ hai yếu tố dinh dưỡng trở lên;

6. Phân phức hợp: là loại phân đa yếu tố được sản xuất trên cơ sở hóa hợp các nguyên liệu;

7. Phân trộn: là loại phân đa yếu tố được sản xuất bằng cách trộn cơ giới nhiều loại phân đơn;

8. Phân vi sinh: là loại phân có chứa một hay nhiều loại vi sinh vật sống có ích với mật độ phù hợp với tiêu chuẩn đã ban hành;

9. Phân hữu cơ sinh học: là loại phân được sản xuất ra từ nguyên liệu hữu cơ có sự tham gia của vi sinh vật sống có ích hoặc các tác nhân sinh học khác;

10. Phân hữu cơ khoáng: là loại phân được sản xuất ra từ nguyên liệu hữu cơ được trộn thêm một hay nhiều yếu tố dinh dưỡng khoáng;

11. Phân hữu cơ truyền thống: là các loại phân chuồng, phân bắc, nước gi ải, rơm rạ, phân xanh, phụ phẩm của cây trồng;

12. Hàm lượng các chất dinh dưỡng: là lượng các chất dinh dưỡng chính có trong phân bón được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm;

13. Hàm lượng độc tố cho phép: là hàm lượng các kim loại nặng, các sinh vật có hại, Biure và axit tự do tối đa cho phép trong phân bón;

14. Phân bón có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng: là loại phân bón vô cơ hoặc hữu cơ được bổ sung một lượng nhỏ các vitamin, các enzym, các axit hữu cơ hoặc các chất hóa học có tác dụng kích thích hoặc kìm hãm quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng;

15. Gia công: là việc doanh nghiệp có chức năng sản xuất phân bón tại Việt Nam nhận sản xuất phân bón theo hợp đồng với thương nhân nước ngoài.

CHƯƠNG II SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG PHÂN BÓN

Điều 5. Tổ chức, cá nhân được sản xuất phân bón phải có giấy đăng ký kinh doanh mặt hàng phân bón do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và có đủ các điều kiện:

1. Có máy móc, thiết bị phù hợp để sản xuất phân bón đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định;

2. Có bộ phận phân tích kiểm nghiệm chất lượng phân bón. Trong trường hợp không có bộ phận phân tích kiểm nghiệm chất lượng phân bón thì thuê phòng phân tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;

3. Có hệ thống xử lý chất thải khi sản xuất để không gây ô nhiễm môi trường và đảm bảo các điều kiện về an toàn lao động, an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về môi trường;

4. Cán bộ, công nhân có chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu công nghệ sản xuất và quản lý chất lượng phân bón.

Điều 6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố “Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam” (trong Nghị định này gọi chung là Danh mục phân bón) trong từng thời kỳ.

Điều 7. Đối với các loại phân bón không có tên trong Danh mục phân bón, tổ chức, cá nhân muốn sản xuất khẩu nghiệm phải có văn bản đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này được phép gia công phân bón cho thương nhân nước ngoài.

Điều 9. Gia công các loại phân bón không có tên trong Danh mục phân bón để xuất khẩu phải được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CHƯƠNG III NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU VÀ KINH DOANH PHÂN BÓN

Điều 10. Nhập khẩu phân bón không có tên trong Danh mục phân bón để khẩu nghiệm phải được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 11. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu phân bón phải chịu trách nhiệm về chất lượng phân bón.

Điều 12. Việc tạm nhập, tái xuất và quá cảnh phân bón thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về tạm nhập tái xuất và quá cảnh hàng hóa.

Điều 13. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phân bón phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mặt hàng phân bón;
2. Địa điểm kinh doanh phân bón không gây ô nhiễm môi trường;
3. Có kho chứa phân bón.

Điều 14. Phân bón khi vận chuyển phải có bao bì hoặc dụng cụ chứa đựng chắc chắn để đảm bảo chất lượng và không gây ô nhiễm môi trường.

Điều 15. Phân bón phải có nhãn hàng hóa phù hợp với quy định của cơ quan có thẩm quyền về ghi nhãn hàng hoá lưu thông trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 16. Cấm kinh doanh phân bón không có trong Danh mục phân bón, phân giả, phân quá hạn sử dụng; phân bị đình chỉ sản xuất, đình chỉ tiêu thụ; phân không có nhãn hàng hóa và nhãn hiệu không đúng với đăng ký.

CHƯƠNG IV KHẢO NGHIỆM VÀ CÔNG NHẬN PHÂN BÓN

Điều 17. Phân bón phải khảo nghiệm bao gồm: Phân vi sinh, phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ khoáng, phân bón lá và phân có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng chưa có tên trong Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục khảo nghiệm phân bón.

Điều 18. Các loại phân bón không phải qua khảo nghiệm bao gồm:

1. Phân bón các loại trong Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sản xuất ở Việt Nam.
2. Các loại phân vô cơ như phân đơn, phân đa yếu tố, phân phức hợp, phân trộn đạt tiêu chuẩn chất lượng;
3. Các loại phân bón hữu cơ truyền thống;
4. Các loại phân bón là kết quả của các công trình nghiên cứu được Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật.

Điều 19. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khảo nghiệm phân bón phải có đủ điều kiện do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định và công nhận phân bón mới.

CHƯƠNG V QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÂN BÓN

Điều 20. Nội dung quản lý nhà nước về phân bón, bao gồm:

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch về phân bón;

2. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý phân bón, các quy trình, quy phạm sản xuất phân bón, tiêu chuẩn phân bón; cơ chế chính sách khuyến khích sản xuất và sử dụng phân bón;

3. Khảo nghiệm và công nhận phân bón mới;

4. Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về phân bón;

5. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động trong lĩnh vực phân bón;

6. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về quản lý và sử dụng phân bón;

7. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các tranh chấp về phân bón;

8. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phân bón.

Điều 21. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công nghiệp và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch và chính sách về sử dụng phân bón và sản xuất phân bón hữu cơ;

2. Soạn thảo, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn và cơ chế chính sách về sử dụng phân bón và sản xuất phân bón hữu cơ;

3. Tổ chức khảo nghiệm và công nhận phân bón mới;

4. Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về phân bón;

5. Phối hợp với các Bộ, ngành trong việc tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động về sử dụng phân bón và sản xuất phân bón hữu cơ;

6. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong việc sử dụng phân bón và sản xuất phân bón hữu cơ;

7. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về kinh doanh, sử dụng phân bón và sản xuất phân bón hữu cơ;

8. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sử dụng phân bón, sản xuất phân bón hữu cơ.

Điều 22. Bộ Công nghiệp có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch và chính sách về sản xuất phân bón vô cơ;

2. Soạn thảo, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn và chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất phân bón vô cơ;

3. Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về sản xuất phân bón vô cơ;

4. Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón vô cơ;

5. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong việc sản xuất phân bón vô cơ;

6. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về sản xuất phân bón vô cơ;

7. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sản xuất phân bón vô cơ.

Điều 23. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các mặt:

1. Xây dựng kế hoạch sử dụng phân bón tại địa phương;
2. Chỉ đạo hướng dẫn sử dụng phân bón có hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường;
3. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực phân bón.

Điều 24. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón phải nộp phí và lệ phí về khảo nghiệm công nhận phân bón mới, giám định chất lượng phân bón theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

CHƯƠNG VI XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 25. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này về sản xuất, mua bán, vận chuyển, cung ứng dịch vụ phân bón thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 26. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này và có các hành vi khác trái với các quy định của pháp luật về việc quản lý nhà nước về phân bón, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 28. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.